



xiū lǐ chǎng

修理厂

noun · repair shop, garage

Example Sentences

Wǒ de chē huài le xū yào sòng dào xiū lǐ chǎng

我的车坏了，需要送到修理厂。

My car broke down and needs to be sent to the repair shop.

Zhè jiā xiū lǐ chǎng zhuān mén xiū lǐ dà xíng jī qì

这家修理厂专门修理大型机器。

This repair shop specializes in fixing large machinery.

Trace each character, then write the word on your own.

修	修	修	修	修	修	修	修	修	修	修
修										

理	理	理	理	理	理	理	理	理	理	理
理	理	理								

厂	厂	厂	厂	厂						